

Số: 28 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 09 tháng 08 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng (gọi tắt là Chiến lược quốc gia “CLQG”) và Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (gọi tắt là UNCAC) nhằm đánh giá toàn diện việc tổ chức triển khai thực hiện; đánh giá mức độ đạt được mục tiêu; việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong CLQG và Kế hoạch thực thi UNCAC trên phạm vi toàn tỉnh kể từ khi ban hành CLQG đến nay; làm rõ những kết quả đạt được, ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, vướng mắc, khó khăn, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; từ đó kiến nghị các nguyên tắc, mục tiêu, giải pháp, biện pháp tổ chức thực hiện cho giai đoạn 2020 - 2030 đạt hiệu quả cao.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết CLQG và Kế hoạch thực thi UNCAC phải bảo đảm toàn diện và sâu sắc; trên cơ sở đánh giá cụ thể kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống tham nhũng (PCTN) tại Nghị quyết Trung ương 3, Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; tập trung đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược Quốc gia về PCTN đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác PCTN đến năm 2020 theo Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ; đồng thời rà soát, đánh giá sự phù hợp của các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tổng kết phải được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc, khoa học, tiết kiệm; phát huy dân chủ, tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của các ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan.

II. NỘI DUNG TỔNG KẾT

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, UNCAC.

- Nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác PCTN; tinh thần phong, gương mẫu của tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức trong PCTN;

- Các kết quả đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN; hiệu quả và chất lượng thực hiện;

- Việc phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, chương trình hành động của Chính phủ về PCTN và UNCAC;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

2. Việc thực hiện các nhóm giải pháp

Nêu cụ thể những kết quả đạt được theo từng nhóm giải pháp, những việc chưa làm được, cũng như những khó khăn, hạn chế, tồn tại và phân tích rõ nguyên nhân; chú trọng phân tích sâu một số nội dung sau:

a) Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật

- Hoàn thiện và thực hiện công khai, minh bạch các quy định về quản lý kinh tế - xã hội phục vụ công tác PCTN trong các hoạt động: Công tác cải cách hành chính; quản lý, sử dụng đất đai, công sở; hoạt động mua sắm công và công tác thu, chi ngân sách; quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia, kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý vốn, tài sản của Nhà nước và Nhân dân trong doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

- Công khai, minh bạch các quyết định trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Các giải pháp đổi mới công nghệ quản lý và hạn chế tiêu dùng tiền mặt;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

b) Hoàn thiện chế độ công vụ, công chức nâng cao chất lượng thực thi công vụ

- Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng; quy định cụ thể, rành mạch chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong hoạt động quản lý.

- Hoàn thiện và thực hiện các quy định về tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xử lý kiên quyết, kịp thời các vi phạm trong quản lý và sử dụng cán bộ, công chức;

- Đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; tăng cường giáo dục liêm chính, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng;

- Thực hiện cơ chế về trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; cơ chế miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;

- Thực hiện chính sách tiền lương hợp lý trong một số lĩnh vực đặc thù; chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức;

- Việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn và công khai việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản công của cán bộ, công chức, trước hết là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; việc chi trả qua tài khoản đối với tất cả các khoản chi từ ngân sách nhà nước cho cán bộ, công chức;

- Việc thực hiện các quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức và tăng cường giám sát việc thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, công bằng, minh bạch.

- Việc xử lý hành vi tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong việc tham gia đấu thầu, đấu giá; xử lý nghiêm hành vi gian lận thương mại; công bố công khai danh tính các cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm;

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng đất đai, các nguồn lực công, bảo đảm công khai, minh bạch và xử lý nghiêm những sai phạm; việc triển khai thực hiện đấu thầu qua mạng; thực hiện cơ chế đấu giá công khai khi bán, thanh lý, giao, cho thuê tài sản công;

- Tổng kết thực tiễn, hoàn thiện pháp luật về chuyển đổi và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt chú trọng việc xác định giá trị tài sản doanh nghiệp và xử lý tài sản công trong quá trình thực hiện cổ phần hóa.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát hiện, xử lý tham nhũng

- Hoạt động giám sát công tác PCTN; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN.

+ Tình hình và kết quả hoạt động giám sát và hình thức giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác PCTN;



+ Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong giám sát công tác PCTN, thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

- Việc phát hiện, xử lý tham nhũng

+ Kết quả phát hiện tham nhũng qua công tác tự kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra, truy tố, xét xử;

+ Kết quả xử lý hành vi tham nhũng: Xử lý cá nhân tham nhũng, xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan;

+ Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

- Công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về kinh tế, tham nhũng

+ Tình hình thiệt hại do tham nhũng gây ra;

+ Kết quả thu hồi tài sản và khắc phục thiệt hại do tham nhũng;

+ Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

- Mô hình tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng và sự phối hợp công tác giữa các cơ quan PCTN

+ Việc tổ chức, bố trí cán bộ chuyên trách, phân định trách nhiệm trong các cơ quan chức năng phòng, chống tham nhũng; việc xây dựng, kiện toàn đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCP-BNV ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ và Bộ Nội vụ; việc thực hiện chế độ, chính sách, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác PCTN;

+ Công tác phối hợp của các cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát, tòa án và các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong PCTN;

+ Đánh giá hiệu quả của mô hình tổ chức PCTN hiện nay, chất lượng, hiệu quả của đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN;

+ Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong việc kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan chức năng PCTN, trong việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

đ) Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của toàn xã hội trong PCTN

- Việc đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của tham nhũng, trách nhiệm của xã hội trong công tác PCTN.

- Vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong công tác giám sát việc thực hiện pháp luật PCTN.

- Vai trò của báo chí, truyền thông trong công tác PCTN.

- Việc bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng; khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác PCTN.

3. Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CLQG trong công tác PCTN; đánh giá việc thực hiện UNCAC; nguyên nhân của những hạn chế, bất cập.

4. Kiến nghị đề xuất chiến lược PCTN giai đoạn 2020-2030

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng báo cáo tổng kết CLQG và kế hoạch thực hiện UNCAC theo đề cương và phụ lục 1 ban hành kèm theo kế hoạch này, gửi về UBND tỉnh (thông qua Thanh tra tỉnh) trước ngày 28/02/2021.

Thời điểm lấy số liệu: Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2020.

2. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, dự thảo báo cáo tổng kết CLQG và kế hoạch thực hiện UNCAC trên địa bàn tỉnh, gửi về Thanh tra Chính phủ trước ngày 15/3/2021. Chuẩn bị nội dung, chương trình hội nghị tổng kết của UBND tỉnh; sau hội nghị, hoàn thành báo cáo tổng kết, gửi báo cáo chính thức về Thanh tra Chính phủ trước ngày 15/4/2021.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Nội Chính Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức đóng góp ý kiến và hoàn thiện văn bản báo cáo tổng kết CLQG và kế hoạch thực hiện UNCAC, tham mưu UBND tỉnh gửi Thanh tra Chính phủ theo quy định.

3. Đề nghị các cơ quan Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thanh tra tỉnh báo cáo theo Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5, Phụ lục 6 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

4. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết CLQG và kế hoạch thực hiện UNCAC của tỉnh (dự kiến tổ chức trong 15 ngày cuối tháng 3 năm 2021).

5. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh báo cáo, đánh giá kết quả hoàn thiện và thực hiện các quy định về tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xử lý kiên quyết, kịp thời các vi phạm trong quản lý và sử dụng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.



6. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh báo cáo, đánh giá kết quả tuyên truyền việc thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh báo cáo, đánh giá kết quả xử lý hành vi tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong việc tham gia đấu thầu, đấu giá; xử lý nghiêm hành vi gian lận thương mại; công bố công khai danh tính các cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh báo cáo, đánh giá kết quả xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn trên địa bàn tỉnh.

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./. HM

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể);
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, vtttrinh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thành

Lâm Minh Thành



ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN BÁO CÁO
Tổng kết Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020
và Kế hoạch thực hiện UNCAC
*(Kèm theo Kế hoạch số 8/KH-UBND ngày 09/02/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát tình hình chung và những đặc điểm nổi bật của cơ quan, đơn vị và địa phương có tác động tới việc thực hiện Chiến lược Quốc gia PCTN (thời gian từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2020) và kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CLQG VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN UNCAC

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện công tác PCTN đến năm 2020, Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 13/02/2018 về thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng;

- Việc phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng;

- Tình hình, kết quả và đánh giá việc tuyên truyền, phổ biến Chiến lược quốc gia PCTN, pháp luật về PCTN và Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng; Nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác PCTN; tinh thần phong, gương mẫu của tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức trong PCTN;

- Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN; hiệu quả và chất lượng thực hiện;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

2. Việc thực hiện các nhóm giải pháp

Nêu cụ thể những kết quả đã đạt được theo từng nhóm giải pháp, những việc chưa làm được, cũng như những khó khăn, hạn chế, tồn tại và phân tích rõ nguyên nhân; chú trọng phân tích sâu một số nội dung sau:

2.1. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật

- Hoàn thiện và thực hiện công khai, minh bạch các quy định về quản lý kinh tế - xã hội phục vụ công tác PCTN trong các hoạt động: Công tác cải cách hành chính; quản lý, sử dụng đất đai, công sở; hoạt động mua sắm công và công tác thu, chi ngân sách; quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia, kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý vốn, tài sản của Nhà nước và nhân dân trong doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Công khai, minh bạch các quyết định trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Các giải pháp đổi mới công nghệ quản lý và hạn chế tiêu dùng tiền mặt;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

2.2. Hoàn thiện chế độ công vụ, công chức, nâng cao chất lượng thực thi công vụ.

- Hoàn thiện và thực hiện các quy định về tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xử lý kiên quyết, kịp thời các vi phạm trong quản lý và sử dụng cán bộ, công chức;

- Đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; tăng cường giáo dục liêm chính, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng;

- Thực hiện cơ chế về trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; cơ chế miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;

- Thực hiện chính sách tiền lương hợp lý trong một số lĩnh vực đặc thù; chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức;

- Việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn và công khai việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản công của cán bộ, công chức, trước hết là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; việc chi trả qua tài khoản đối với tất cả các khoản chi từ ngân sách nhà nước cho cán bộ, công chức;

- Việc thực hiện các quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức và tăng cường giám sát việc thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, công bằng, minh bạch.

- Việc xử lý hành vi tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong việc tham gia đấu thầu, đấu giá; xử lý nghiêm hành vi gian lận thương mại; công bố công khai danh tính các cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm;

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng đất đai, các nguồn lực công, bảo đảm công khai, minh bạch và xử lý nghiêm những sai phạm; việc triển khai thực hiện đấu thầu qua mạng; thực hiện cơ chế đấu giá công khai khi bán, thanh lý, giao, cho thuê tài sản công;

- Tổng kết thực tiễn, hoàn thiện pháp luật về chuyển đổi và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt chú trọng việc xác định giá trị tài sản doanh nghiệp và xử lý tài sản công trong quá trình thực hiện cổ phần hóa.

2.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý tham nhũng

a) Hoạt động giám sát công tác PCTN; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN

- Tình hình và kết quả hoạt động giám sát và hình thức giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác PCTN;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác giám sát công tác PCTN, thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

b) Việc phát hiện, xử lý tham nhũng

- Kết quả phát hiện tham nhũng qua công tác tự kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra, truy tố, xét xử;

- Kết quả xử lý hành vi tham nhũng: Xử lý cá nhân tham nhũng, xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

c) Công tác thu hồi tài sản tham nhũng

- Tình hình thiệt hại do tham nhũng gây ra;

- Kết quả thu hồi tài sản và khắc phục thiệt hại do tham nhũng;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

d) Mô hình tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng và sự phối hợp công tác giữa các cơ quan PCTN

- Việc tổ chức, bố trí cán bộ chuyên trách, phân định trách nhiệm trong các cơ quan chức năng phòng, chống tham nhũng; việc xây dựng, kiện toàn đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng theo Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCP-BNV; việc thực hiện chế độ, chính sách, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác PCTN.

- Công tác phối hợp của các cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát, tòa án và các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong PCTN.

- Đánh giá hiệu quả của mô hình tổ chức PCTN hiện nay, chất lượng, hiệu quả của đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong việc kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan chức năng PCTN, trong việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

2.5. Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của toàn xã hội trong phòng, chống tham nhũng

- Việc đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của tham nhũng, trách nhiệm của xã hội trong công tác PCTN.

- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong công tác PCTN.

- Vai trò của báo chí, truyền thông trong công tác PCTN.

- Việc bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng; tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác PCTN.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về tình hình tham nhũng và nguyên nhân

- Khái quát về tình hình tham nhũng xảy ra tại cơ quan, đơn vị và địa phương;

- Đánh giá nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình hình tham nhũng; tác động của các biện pháp PCTN đối với tình hình; sự thay đổi của tình hình tham nhũng so với thời điểm ban hành CLQG; nguyên nhân của những thay đổi.

2. Đánh giá về việc thực hiện CLQG và kết quả thực hiện UNCAC

- Đánh giá hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện CLQG và UNCAC.

- Đánh giá tổng quát những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện CLQG và thực hiện UNCAC; nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

- Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 về ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; nêu rõ những ngành, lĩnh vực đã ngăn chặn được tham nhũng, đẩy lùi được tham nhũng; những ngành, lĩnh vực PCTN chưa có tác dụng, tham nhũng có dấu hiệu gia tăng (nếu có).

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị đề xuất chiến lược PCTN giai đoạn 2020 – 2030 và thực hiện UNCAC.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành về PCTN còn vướng mắc, bất cập.

- Các kiến nghị khác.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

*Ghi chú: Các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện báo cáo theo đúng đê
cương và phụ lục kèm theo. Từng nội dung có số liệu cụ thể, rõ ràng, nội dung nào
không có ghi “không”; không được tự ý bỏ các đề mục của đề cương hướng dẫn báo
cáo.*

Phụ lục 4

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG QUA CÔNG
XÉT XỬ TỘI PHẠM THAM NHŨNG**

(Kèm theo Kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 09/02/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Tên vụ án, bị cáo
I	Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng			
1	Số vụ án tham nhũng do cơ quan kiểm sát hai cấp truy tố	Vụ		
2	Số bị cáo tham nhũng do cơ quan kiểm sát hai cấp truy tố	Bị cáo		
II	Kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án tham nhũng (Tòa án hai cấp)			
1	Số vụ/bị can đã được xét xử	Vụ/bị cáo		
	Trong đó:			
	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng			
	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng			
	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng			
	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng			
2	Số vụ/bị cáo trả hồ sơ điều tra bổ sung	Vụ/bị cáo		
3	Số vụ/bị cáo chuyển tội danh khác	Vụ/bị cáo		
4	Số vụ/bị cáo đang chờ xét xử	Vụ/bị cáo		
5	Kết quả khác	Vụ/bị cáo		Ghi rõ nội dung
III	Thu hồi tài sản tham nhũng (Tòa án hai cấp)			
1	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được			
	- Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ đã được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
	- Đất đai	m ²		
2	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã thu hồi được			
	- Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ đã được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Tên vụ án, bị cáo
	- Đất đai	m ²		
3	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng khong được thu hồi, khắc phục			
	- Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ đã được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
	- Đất đai	m ²		

* Ghi chú: Thời kỳ lấy số liệu từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2020

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)



Phụ lục 1
KẾT QUẢ SỐ LIỆU CHỦ YÊU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Từ 01/01/2010 đến ngày 31/12/2020)
*(Kèm theo Kế hoạch số 48 /KH-UBND ngày 09/02/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHÔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt về PCTN được tổ chức	Cuộc	
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	



MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm PCTN	Người	
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
26a	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do có dấu hiệu tham nhũng	Người	
26b	Số yêu cầu giải trình đã được giải trình theo quy định về trách nhiệm giải trình	Yêu cầu	
26c	Tỷ lệ đã thực hiện giải trình so với số yêu cầu giải trình đủ điều kiện để giải trình	%	
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	



MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG		
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	Qua hoạt động thanh tra		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết.	Đơn	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
37	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	
38	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen , thưởng, trong đó	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương	Người	
	+ Tặng Giấy khen	Người	

Lưu ý: Không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu.



Phụ lục 2

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG QUA CÔNG
TÁC ĐIỀU TRA HAI CẤP**

(Kèm theo Kế hoạch số .&.../KH-UBND ngày 09/02/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả	Tên vụ án, bị can
I	Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng			
1	Số vụ án tham nhũng đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ		
2	Số bị can tham nhũng đã được cơ quan chức năng khởi tố	Bị can		
II	Kết quả xử lý các hành vi tham nhũng			
1	Số vụ/bị can đề nghị truy tố	Vụ/bị can		
2	Số vụ/bị can tạm đình chỉ điều tra	Vụ/bị can		
3	Số vụ/bị can đình chỉ điều tra	Vụ/bị can		
4	Số vụ/bị can đang điều tra	Vụ/bị can		
III	Thu hồi tài sản tham nhũng			
1	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được			
	- Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ đã được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
	- Đất đai	m ²		
2	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã thu hồi được			
	- Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ đã được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
	- Đất đai	m ²		
3	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không được thu hồi, khắc phục			
	- Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ đã được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
	- Đất đai	m ²		

* Ghi chú: Thời kỳ lấy số liệu từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2020

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG QUA CÔNG TRUY TỐ TỘI PHẠM THAM NHŨNG

(Kèm theo Kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 09/02/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tỉnh	Kết quả	Tên vụ án, bị can
I	Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng (Viện kiểm sát hai cấp)			
1	Số vụ án tham nhũng do cơ quan điều tra hai cấp đề nghị truy tố	Vụ		
	- Số vụ trong kỳ trước chuyển sang	Vụ		
	- Số vụ thụ lý trong kỳ	Vụ		
2	Số bị can tham nhũng do cơ quan điều tra hai cấp đề nghị truy tố	Bị can		
	- Số bị can trong kỳ trước chuyển sang	Bị can		
	- Số bị can thụ lý trong kỳ	Bị can		
II	Kết quả xử lý (Viện kiểm sát hai cấp)			
1	Số vụ/bị can đã được truy tố	Vụ/bị can		
2	Số vụ/bị can trả hồ sơ điều tra bổ sung	Vụ/bị can		
3	Số vụ/bị can chưa truy tố	Vụ/bị can		
4	Kết quả khác	Vụ/bị can		Ghi rõ nội dung

* Ghi chú: Thời kỳ lấy số liệu từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2020. Số liệu bao gồm số kết chuyển (án còn tồn đọng chưa truy tố chuyển tòa án) từ năm 2009 chuyển sang.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 5

KẾT QUẢ THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG
*(Kèm theo Kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 09/02/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

STT	Vụ việc, vụ án xảy ra tham nhũng	Số bản án	Tài sản phải thu hồi (triệu đồng hoặc m ² đất)	Tài sản đã thu hồi (triệu đồng hoặc m ² đất)	Tồn	Ghi chú
1						
2						
3						
4						

* Ghi chú: Thời kỳ lấy số liệu từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2020

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 6

**KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**
*(Kèm theo Kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 09/02/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

STT	Tên cơ quan thực hiện Giám sát	Đối tượng Giám sát	Nội dung giám sát	Kết quả Giám sát	Số báo cáo thực hiện các kiến nghị sau giám sát	Ghi chú
1						
2						
3						
4						

* Ghi chú: Thời kỳ lấy số liệu từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2020

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)